

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA TƠ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/HS-ST

Ngày: 21-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huy;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Quang Long;

2. Bà Phạm Thị Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thịnh - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Ngãi – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2019/TLST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Văn T**, tên gọi khác: Trần Văn T1, sinh ngày 15/6/1990 tại huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: thôn V, xã H, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: hiện nay không có nghề nghiệp; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: bị xử lý hình sự về tội trộm cắp tài sản tại Bản án số 05/2008/HSST ngày 11/11/2008 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi, xử phạt 09 (chín) tháng tù, đã chấp hành xong hình phạt ngày 19/4/2009; con ông: không xác định và bà Trần Thị Đ; vợ Phạm Thị H, có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2015; bị tạm giam từ ngày 22/9/2019 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Chị Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1992;

Nơi cư trú: Thôn A, xã N, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền cho bị hại: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1966 cha của bị hại, văn bản ủy quyền ngày 17/6/2019.

Nơi cư trú: Thôn A, xã N, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Văn M, sinh năm 1984;

Nơi cư trú: thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Ông T có mặt, anh M vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 05/6/2019, trên chuyến xe buýt tuyến B đi thành phố Q, bị cáo Trần Văn T ngồi hàng ghế thứ tư bên tài xế, phía trước là chị Nguyễn Thị Ngọc L để cùng đi xuống ngã tư thuộc thôn Đ, huyện M. Khi xe đi đến đoạn thuộc địa phận xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi thì phía trước hướng xe buýt chạy có sự kiện xe ô tô bị lật, lúc này tất cả hành khách trên xe và nhân viên soát vé hiệu kỳ chồm người nhìn về hướng chiếc xe bị lật. Lợi dụng cơ hội này, bị cáo đứng dậy lên lút dùng tay trái chồm người lên phía trước lấy trộm điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus, màu đỏ để trong túi áo khoác bên trái của chị L bỏ vô túi quần của bị cáo và ngay lập tức yêu cầu tài xế xe buýt cho xuống xe tại trạm đèo C thuộc địa phận xã Đ. Sau khi xuống xe buýt, bị cáo xin đi nhờ người đi đường đi xe máy xuống ngã tư thuộc thôn Đ, huyện M, tiếp tục đón xe buýt về thị trấn Đ, huyện Đ và đi đến tiệm điện thoại di động Lê M ở thị trấn Đ để bán điện thoại di động vừa trộm cắp được cho ông Lê Văn M chủ tiệm điện thoại di động với giá 2.000.000 đồng, bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết số tiền này.

Hành vi trộm cắp tài sản do bị cáo thực hiện được ghi nhận tại thời điểm 13 giờ 46 phút 11 giây đến 13 giờ 46 phút 25 giây thông qua dữ liệu camera trên xe buýt mang biển kiểm soát 76-00X.XX chạy tuyến B đi thành phố Q, khởi hành tại xã B lúc 13 giờ 00 ngày 05/6/2019 đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT) Công an huyện B sao lưu tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên AB Quảng Ngãi qua USB màu đỏ, đen, nhãn hiệu Sanisk theo đúng trình tự, thủ tục để chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo.

Tại Cơ quan CSĐT, Trần Văn T đã thừa nhận vì để có tiền tiêu xài và lợi dụng sơ hở, mất cảnh giác của chủ sở hữu, bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus, màu đỏ của chị Nguyễn Thị Ngọc L khi đang đi cùng xe buýt tại đoạn đường đèo C thuộc địa phận xã Đ, huyện B xảy ra vào ngày 05/6/2019.

Bản kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐGTS, ngày 15/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng kết luận: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus, màu đỏ mua tại thời điểm 5/2018, có giá trị tại thời điểm bị xâm hại (tháng 6/2019) là: 15.635.000 đồng (mười lăm triệu sáu trăm ba mươi lăm ngàn đồng).

Trong quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã tiến hành thu giữ chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus, màu đỏ do anh Lê Văn M chủ tiệm điện thoại di động giao nộp. Ngày 31/7/2019, Cơ quan CSĐT đã trao trả chiếc điện thoại trên cho chủ sở hữu do ông Nguyễn Ngọc T nhận và ông T cũng không yêu

cầu bị cáo bồi thường. Đối với số tiền bị cáo bán điện thoại nêu trên thì anh Lê Văn M đã nhận lại số tiền 2.000.000 đồng do bị cáo trả lại và không yêu cầu gì.

Tại bản cáo trạng số: 11/CT-VKSBT, ngày 28/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ truy tố Trần Văn T tội: “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung bản cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 09 tháng đến 12 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung; về trách nhiệm dân sự: các đương sự không có yêu cầu gì nên không xem xét.

Tại phần tranh luận, bị cáo không tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên. Bị cáo nói lời sau cùng, bị cáo ân hận về hành vi phạm tội của mình xin Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét xử phạt mức án thấp nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình.

Người đại diện theo ủy quyền cho bị hại ông Nguyễn Ngọc T không yêu cầu bị cáo bồi thường, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn M, nhưng anh M đã nhận đủ số tiền 2.000.000 đồng không có yêu cầu gì nên căn cứ theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với ngày bắt tạm giam xác định ngày 22/9/2019 (bút lục 98), các bút lục 96, 97, 136, 137 xác định ngày bắt tạm giam ngày 23/9/2019 là không chính xác. Để xác định chính xác và có căn cứ thì ngày tạm giam của bị cáo là ngày 22/9/2019.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Trần Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: tại thời điểm 13 giờ 46 phút 11 giây đến 13 giờ 46 phút 25 giây ngày 05/6/2019 trên xe buýt mang biển kiểm soát 76-00X.XX chạy tuyến B đi thành phố Q tại đoạn đường đèo C thuộc địa phận xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 01 điện thoại

đi động hiệu Iphone 8 Plus, màu đỏ trị giá 15.635.000 đồng của chị Nguyễn Thị Ngọc L.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự địa phương. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhưng không chịu rèn luyện bản thân chấp hành quy định pháp luật, lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu để lén lút thực hiện hành vi trộm cắp. Hành vi phạm tội của bị cáo thỏa mãn và đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[4] Xét nhân thân, tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi xử phạt bị cáo 09 (chín) tháng tù về tội trộm cắp tài sản tại Bản án số 05/2008/HSST ngày 11/11/2008. Ngày 19/4/2009, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt chính và ngày 23/9/2016 bị cáo đã chấp hành xong các quyết định khác của bản án. Theo quy định tại khoản 2 Điều 70 Bộ luật hình sự thì bị cáo đương nhiên được xóa án tích. Mặc khác, sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 05/6/2019, Cơ quan CSĐT khởi tố vụ án, khởi tố bị can và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo cam đoan thực hiện các nghĩa vụ thì bị cáo bỏ trốn vào thành phố Hồ Chí Minh và có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (heroin) bị Công an phường T, quận A lập biên bản vi phạm hành chính ngày 06/9/2019; Ủy ban nhân dân phường T, quận A ra quyết định đưa vào cơ sở xã hội X để quản lý cắt con, giải độc, tư vấn tâm lý trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; sau đó Ủy ban nhân dân phường T đã ra quyết định hủy quyết định này do thực hiện lệnh bắt bị can để tạm giam của Cơ quan CSĐT Công an huyện B cho nên không xác định bị cáo có tiền sự nhưng là cơ sở để xét nhân thân của bị cáo khi áp dụng hình phạt.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự;

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo tự nguyện sửa chữa, khắc phục hậu quả, người đại diện cho bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội một thời gian, nhằm giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng chống tội phạm.

[6] Về hình phạt bổ sung: Tại phiên tòa bị cáo trình bày, hiện nay bị cáo không có nghề nghiệp nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện theo ủy quyền cho bị hại ông Nguyễn Ngọc Tuấn không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn T 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam là ngày 22/9/2019.

Về án phí: Buộc bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 21/11/2019), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Ba Tơ;
- Chi cục THA DS huyện Ba Tơ;
- Công an huyện Ba Tơ (Đội điều tra, Bộ phận NVHS, Cơ quan THAHS);
- Người bị kết án;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Huy